TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 4 – 2024
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Tuấn

2. Bà Trần Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Trần Bửu Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị M**, sinh năm: 1978 *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 82, khu vực 3, phường V, quận U, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Số 188, phường V, quận U, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Ngọc P**, sinh năm: 1977 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 82, khu vực 3, phường V, quận U, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:*

Cháu **Trần Ngọc H**, sinh ngày: 18/7/2014 *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 82, khu vực 3, phường V, quận U, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày:* Qua thời gian tìm hiểu, bà với ông Trần Ngọc P tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/1999 theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung tên Trần Ngọc Phúc Hữu, sinh ngày: 06/12/2000 và Trần Ngọc H, sinh ngày: 18/7/2014. Nhưng đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nghi kỵ lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng

không còn và đã sống ly thân. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện và yêu cầu:

Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc P;

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc H cho ông Trần Ngọc P chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không phải cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu Trần Ngọc Phúc Hữu đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2024, bị đơn ông Trần Ngọc P trình bày:* Giữa ông với bà Võ Thị M không có mâu thuẫn, cuộc sống gia đình bình thường, sau khi bà Võ Thị M điều trị bệnh thì có biểu hiện tính tình thay đổi nên đã về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với ông từ tháng 5/2023 cho đến nay. Do ông còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M. Về con chung: Từ khi bà Võ Thị M sống ly thân với ông cho đến nay thì cháu Trần Ngọc H sống chung với ông, do ông chăm sóc nuôi dưỡng; trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Võ Thị M cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu Trần Ngọc Phúc Hữu đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

** Người có quyền và lợi ích được bảo vệ, cháu Trần Ngọc H có bản tự khai và trình bày:* Cháu muốn sống chung với cha là ông Trần Ngọc P và mẹ là bà Võ Thị M được quyền thăm nom, chăm sóc.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Ông Trần Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Cháu Trần Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật; xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng. Ông Trần Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và cháu Trần Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Nguyên đơn bà Võ Thị M với bị đơn ông Trần Ngọc P có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có với nhau 02 người con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên bà Mai khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành; tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn cho thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 người con chung; nguyên đơn có yêu cầu giao con chung tên Trần Ngọc H cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không

phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con chung và bị đơn cũng đồng ý nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị chấp nhận. Riêng cháu Trần Ngọc Phúc Hữu đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị M với ông Trần Ngọc P có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/1999 tại Ủy ban nhân dân phường Trà Nóc (nay là phường V) theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên bà Võ Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Ngọc P và cháu Trần Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Nguyên đơn bà Võ Thị M với bị đơn ông Trần Ngọc P tự nguyên tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có với nhau 02 người con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ tháng 5/2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải nhưng ông Trần Ngọc P vắng mặt nên không hòa giải đoàn tụ thành. Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc P vắng mặt còn bà Võ Thị M vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu nhưng không có khả năng hòa giải đoàn tụ cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị M là phù hợp, cho bà Võ Thị M được ly hôn với ông Trần Ngọc P như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Võ Thị M với bị đơn ông Trần Ngọc P có với nhau 02 người con chung; cháu Trần Ngọc Phúc Hữu, sinh ngày: 06/12/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết là phù hợp; đối với cháu Trần Ngọc H, sinh ngày: 18/7/2014, nguyên đơn yêu cầu giao cháu Trần Ngọc H cho bị đơn ông Trần Ngọc P chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà Võ Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con được bị đơn ông Trần Ngọc P đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Ngọc H nên chấp nhận là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị M. Cho bà Võ Thị M được ly hôn với ông Trần Ngọc P.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày: 18/7/2014 cho bị đơn ông Trần Ngọc P chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà Võ Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với bà Võ Thị M không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002456 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận U, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hại 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quí

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. U;
- Chi cục THADS Q. U;
- Các đương sự;
- Lưu.